

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TÂN KHÁNH AN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018  
đến ngày 27 tháng 12 năm 2018

MSC

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 25

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày ngày 27 tháng 12 năm 2018.

#### **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Chủ tịch HĐQT trong năm của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Bình	Chủ tịch

Kiểm soát viên trong năm của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Minh	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Bình	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/01/2019)
Ông Phạm Thanh Hà	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2019)
Ông Nguyễn Duy Mão	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 27 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



---

**Phạm Thanh Hà**  
**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2019

Số: 11/BCKT/2019-RSMMT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty  
Ban Giám đốc  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN KHÁNH AN**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/03/2019 từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 27 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An tại ngày 27 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 1.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Tổng Công ty Khánh Việt đã ra quyết định số 158/QĐ – HĐTV ngày 29/12/2017 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An. Theo đó, doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa là Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An. Ngày 28/12/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An, Phòng đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 của Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An). Báo cáo tài chính được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 là kỳ cuối cùng của Công ty TNHH và bàn giao số liệu cho Công ty Cổ phần tiếp tục kế thừa. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Kim Văn Việt

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Như Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2293-2018-026-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 27/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 27/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.218.261.853</b>	<b>74.836.122.663</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.588.219.879</b>	<b>8.111.021.838</b>
1. Tiền	111	4.1	4.588.219.879	8.111.021.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.720.149.528</b>	<b>43.959.272.842</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	45.946.923.099	43.497.253.695
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	5.422.577.600	57.017.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.350.648.829	405.002.147
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>27.371.738.355</b>	<b>22.470.185.456</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.371.738.355	22.470.185.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>538.154.091</b>	<b>295.642.527</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	221.833.218
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	538.154.091	73.809.309
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.723.980.072</b>	<b>14.201.767.415</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.723.980.072</b>	<b>14.201.767.415</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	11.723.980.072	14.201.767.415
Nguyên giá	222		58.682.961.845	60.385.408.678
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.958.981.773)	(46.183.641.263)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>96.942.241.925</b>	<b>89.037.890.078</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 27/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 27/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.942.241.925</b>	<b>51.037.890.078</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.942.241.925</b>	<b>51.037.890.078</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	4.963.870.199	2.154.502.040
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	-	36.850.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.474.920.515	307.399.521
4. Phải trả người lao động	314		8.259.958.036	7.654.618.117
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	6.216.396.232	17.964.792.478
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	33.999.366.485	9.679.551.350
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.027.730.458	13.240.176.572
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12	<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>96.942.241.925</b>	<b>89.037.890.078</b>



**Phạm Thanh Hà**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Duy Mão**  
Kế toán trưởng

**Lê Văn Tuấn**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	160.546.571.227	212.236.524.236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	84.719.277	26.352.620
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	10	5.1	160.461.851.950	212.210.171.616
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	137.265.369.455	189.903.822.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		23.196.482.495	22.306.348.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	101.098.727	206.655.529
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.785.737.256	1.598.805.300
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.761.857.256	1.598.805.300
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.203.468.942	4.747.161.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	4.272.818.601	3.079.977.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.035.556.423	13.087.060.695
11. Thu nhập khác	31	5.7	33.317.868	18.726.705
12. Chi phí khác	32	5.8	3.448.152	123.643.245
13. Lợi nhuận khác	40		29.869.716	(104.916.540)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.065.426.139	12.982.144.155
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.653.976.427	2.030.429.404
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.411.449.712	10.951.714.751



Phạm Thanh Hà  
Giám đốc  
Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Duy Mão  
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				*
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.065.426.139	12.982.144.155
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.464.455.175	2.671.266.631
Các khoản dự phòng	03		-	(928.470.763)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(85.978.727)	(206.655.529)
Chi phí lãi vay	06		1.761.857.256	1.598.805.300
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		17.205.759.843	16.117.089.794
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.003.388.250)	9.692.200.455
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.901.552.899)	(5.082.840.316)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.296.808.089)	(20.616.179.499)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	230.899.451
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.775.331.130)	(1.585.331.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.235.450.563)	(1.878.539.963)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(16.014.984.982)	(8.490.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.021.756.070)	(11.612.826.504)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.069.016.039
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		85.978.727	206.655.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		85.978.727	1.275.671.568
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		74.286.722.075	21.127.510.950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.966.906.940)	(11.447.959.600)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(3.906.839.751)	(4.233.432.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.412.975.384	5.446.118.751
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		(3.522.801.959)	(4.891.036.185)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.111.021.838	13.002.058.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70		4.588.219.879	8.111.021.838



Phạm Thanh Hà  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Duy Mão  
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/02/2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900741212 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 270400028 ngày 28/03/2006), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An được cổ phần hóa và chuyển sang Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 28/12/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 38.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 27/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	38.000.000.000	100	38.000.000.000	100
<b>Cộng</b>		<b>38.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường D2 – KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 27 tháng 12 năm 2018 là 288 người (31 tháng 12 năm 2017 là 304 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quản lý sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: sản xuất bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán hạt nhựa, giấy, phụ gia, manh dệt PP và các bán thành phẩm, thành phẩm của bao bì; Mua bán phế liệu (trừ những loại gây ô nhiễm môi trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngày 29/12/2017, Tổng Công ty Khánh Việt đã ban hành Quyết định số 8/QĐ-HĐTV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An.

Năm 2018, Công ty đã tiến hành thẩm định để xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước. Theo đó, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 31/12/2017 được phê duyệt theo Quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 31/07/2018 của Tổng Công ty Khánh Việt là 109.522.895.480 đồng, trong đó giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 58.617.896.992 đồng. Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị sổ sách, Công ty không điều chỉnh vào báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 27/12/2018 mà chỉ sử dụng làm căn cứ xác định giá trị khởi điểm thực hiện đấu giá bán cổ phần lần đầu. Ngày 29/08/2018, Tổng Công ty Khánh Việt đã phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An theo Quyết định số 111/QĐ-HĐTV. Theo đó, doanh nghiệp sau Cổ phần hóa là Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An có vốn điều lệ là 38.000.000.000 đồng (tương ứng 3.800.000 cổ phần). Trong đó, Cổ phần Nhà nước nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ; phần còn lại sẽ bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên 880.400 cổ phần, chiếm 23,17% vốn điều lệ và chào bán công khai cho các nhà đầu tư 2.919.600 cổ phần, chiếm 76,83% vốn điều lệ.

Năm 2018, Công ty đã bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng. Trong đó: số lượng cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên là 613.500 cổ phần, số cổ phần bán công khai cho các nhà đầu tư là 3.186.500 cổ phần.

Ngày 28/12/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 cho Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính của giai đoạn chuyển giao giữa Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu,

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

chi phí cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

### **3.3. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm 27/12/2018, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

### **3.4. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với [hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

Tại thời điểm 27/12/2018, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

**3.5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2018</b>	
	<b>đến ngày 27/12/2018</b>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15	năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 10	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 10	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.6. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.7. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.8. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Phân phối lợi nhuận***

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 26/11/2017 của Chính phủ.

**3.9. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.10. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.14. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Đối với hoạt động quản lý sản xuất thuốc lá và bao bì dệt sợi nhựa:*

Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời gian 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (2006 – 2017) và trong các năm tiếp theo áp dụng theo qui định hiện hành.

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên được qui định tại Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 18/06/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 17/CNUĐ-NA ngày 12/07/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An.

*Đối với các hoạt động khác:*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.15. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 27/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	31.120.662	314.663.326
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.557.099.217	7.796.358.512
<b>Cộng</b>	<b>4.588.219.879</b>	<b>8.111.021.838</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 27/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 6	53.682.035	708.493.134
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	-	11.475.850.997
Công ty CP Xi măng Công Thanh	7.971.811.200	15.091.824.000
Công ty TNHH Cung ứng vật tư Đồng Lâm	15.022.193.000	-
Đối tượng khác	22.899.236.864	16.221.085.564
<b>Cộng</b>	<b>45.946.923.099</b>	<b>43.497.253.695</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 27/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Franco Pacific	-	55.517.000
Hợp tác xã vận tải Thành Vinh	-	1.500.000
CN công ty CP chứng khoán Bảo Việt	50.000.000	-
Solmer Future LTD	5.372.577.600	-
<b>Cộng</b>	<b>5.422.577.600</b>	<b>57.017.000</b>

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 27/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu CBNV về BHXH	11.631.502	-	18.065.170	-
Ký quỹ, ký cược	186.668.705	-	186.823.613	-
Tạm ứng	22.001.342	-	35.702.627	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.129.256.764	-	-	-
Phải thu khác	1.090.516	-	164.410.737	-
<b>Cộng</b>	<b>1.350.648.829</b>	<b>-</b>	<b>405.002.147</b>	<b>-</b>

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 27/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.682.570.943	-	18.022.247.453	-
Công cụ, dụng cụ	107.878.914	-	156.397.765	-
Chi phí SXKD dở dang	11.211.150.052	-	2.506.583.722	-
Thành phẩm	3.370.138.446	-	1.784.956.516	-
<b>Cộng</b>	<b>27.371.738.355</b>	<b>-</b>	<b>22.470.185.456</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN KHÁNH AN**

Địa chỉ: Đường D2 – KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	14.070.001.831	42.045.479.758	3.736.100.886	256.996.486	276.829.717	60.385.408.678
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	(1.647.492.743)	-	(54.954.090)	-	(1.702.446.833)
<b>Tại ngày 27/12/2018</b>	<b>14.070.001.831</b>	<b>40.397.987.015</b>	<b>3.736.100.886</b>	<b>202.042.396</b>	<b>276.829.717</b>	<b>58.682.961.845</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	9.087.365.796	33.988.319.981	2.574.129.283	256.996.486	276.829.717	46.183.641.263
Khấu hao trong kỳ	841.287.456	1.357.387.759	279.112.128	-	-	2.477.787.343
Giảm khác	-	(1.647.492.743)	-	(54.954.090)	-	(1.702.446.833)
<b>Tại ngày 27/12/2018</b>	<b>9.928.653.252</b>	<b>33.698.214.997</b>	<b>2.853.241.411</b>	<b>202.042.396</b>	<b>276.829.717</b>	<b>46.958.981.773</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	4.982.636.035	8.057.159.777	1.161.971.603	-	-	14.201.767.415
<b>Tại ngày 27/12/2018</b>	<b>4.141.348.579</b>	<b>6.699.772.018</b>	<b>882.859.475</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.723.980.072</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.490.425.347 VND.

(\*) Các tài sản này được bán giao cho Tổng Công ty Khánh Việt quản lý theo Quyết định số 125A/QĐ-HĐTV ngày 10/10/2018 của Tổng Công ty Khánh Việt khi cổ phần hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 27/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP nhựa Châu Âu	465.162.500	465.162.500	408.980.000	408.980.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Ngọc Minh Giang	1.184.793.225	1.184.793.225	799.738.830	799.738.830
Công ty CP Bao bì PP	1.470.480.000	1.470.480.000	-	-
Đối tượng khác	1.843.434.474	1.843.434.474	945.783.210	945.783.210
<b>Cộng</b>	<b>4.963.870.199</b>	<b>4.963.870.199</b>	<b>2.154.502.040</b>	<b>2.154.502.040</b>

**4.8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 27/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Công ty cổ phần Thiên Nông Thanh Hóa	-	36.850.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>36.850.000</b>

**4.9. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 27/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV (lợi nhuận phải trả) - bên liên quan - xem thêm mục 6	3.595.578.676	3.906.839.751
Phải trả CBCNV tiền chờ góp vốn (*)	-	13.550.068.405
Ký quỹ của người lao động học việc	427.745.022	393.695.073
Kinh phí công đoàn	54.172.290	-
Phải trả về cổ phần hóa	1.404.345.900	-
Lãi dự trả	-	13.473.874
Phải trả khác	734.554.344	100.715.375
<b>Cộng</b>	<b>6.216.396.232</b>	<b>17.964.792.478</b>

(\*) Đây là khoản tiền Công ty huy động vốn của CBCNV từ nguồn hỗ trợ của Tổng Công ty Khánh Việt cho người lao động làm việc lâu dài (trên 5 năm) tại Công ty theo Quyết định không số ngày 01/09/2007 của Giám đốc Công ty. Lãi suất vay từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2017 là 0,83%/tháng theo Quyết định số 26 TV/TKA ngày 01/01/2016 và từ tháng 4 đến tháng 12 là 1,125%/tháng theo Quyết định số 28 TV/TKA ngày 01/04/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chuyển trả cho CBCNV để thực hiện mua cổ phần.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN KHÁNH AN**

Địa chỉ: Đường D2 – KCN Bắc Vinh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 27/12/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	748.995.130	16.027.500.709	15.278.505.579	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	536.449.680	-	5.060.368.000	5.596.817.680	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	131.404	-	359.188.336	359.319.740	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	725.925.385	2.653.976.427	2.235.450.563	-	307.399.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.573.007	-	646.073.337	573.837.035	73.809.309	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>538.154.091</b>	<b>1.474.920.515</b>	<b>24.750.106.809</b>	<b>24.046.930.597</b>	<b>73.809.309</b>	<b>307.399.521</b>

**4.11. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 27/12/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	33.999.366.485	33.999.366.485	74.286.722.075	49.966.906.940	9.679.551.350	9.679.551.350
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương</i>	-	-	14.212.252.500	21.256.671.350	7.044.418.850	7.044.418.850
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Vinh</i>	33.999.366.485	33.999.366.485	60.074.469.575	28.710.235.590	2.635.132.500	2.635.132.500
<b>Cộng</b>	<b>33.999.366.485</b>	<b>33.999.366.485</b>	<b>74.286.722.075</b>	<b>49.966.906.940</b>	<b>9.679.551.350</b>	<b>9.679.551.350</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8834746/HĐTD ngày 18/06/2017; Hạn mức vay 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Không có tài sản thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho khoản vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.12. Vốn chủ sở hữu

## 4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Tại ngày 01/01/2017	38.000.000.000	-	-	38.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	10.951.714.751	10.951.714.751
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.871.250.000)	(6.871.250.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(173.625.000)	(173.625.000)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(3.906.839.751)	(3.906.839.751)
Tại ngày 01/01/2018	38.000.000.000	-	-	38.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	10.411.449.712	10.411.449.712
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.642.246.036)	(6.642.246.036)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(173.625.000)	(173.625.000)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(3.595.578.676)	(3.595.578.676)
Tại ngày 27/12/2018	38.000.000.000	-	-	38.000.000.000

Công ty chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ sau khi trích các quỹ theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 26/11/2017.

## 4.12.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại ngày 27/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	38.000.000.000	38.000.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000

## 4.12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu kỳ	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	160.546.571.227	212.236.524.236
- Doanh thu bán thuốc lá	-	33.598.978.227
- Doanh thu bán bao bì, vật liệu bao bì	151.361.144.695	172.794.866.532
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.185.426.532	5.842.679.477
Các khoản giảm trừ	84.719.277	26.352.620
- Hàng hóa trả lại	-	1.515.000
- Giảm giá hàng bán	84.719.277	24.837.620
<b>Cộng</b>	<b>160.461.851.950</b>	<b>212.210.171.616</b>
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6</i>	9.040.032.547	47.498.987.415

## 5.2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn thuốc lá	-	31.751.949.739
Giá vốn bao bì, vật liệu bao bì	131.276.548.358	154.241.595.613
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	5.988.821.097	3.910.277.601
<b>Cộng</b>	<b>137.265.369.455</b>	<b>189.903.822.953</b>

## 5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.978.727	206.655.529
Chiết khấu thanh toán	15.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>101.098.727</b>	<b>206.655.529</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	1.761.857.256	1.598.805.300
Chiết khấu thanh toán	23.880.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.785.737.256</b>	<b>1.598.805.300</b>

## 5.5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.241.507.033	1.558.658.427
Chi phí nhiên liệu, vận chuyển	2.001.760.480	2.349.658.190
Các khoản khác	960.201.429	838.844.471
<b>Cộng</b>	<b>4.203.468.942</b>	<b>4.747.161.088</b>

## 5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.271.325.316	2.480.058.430
Chi phí thuê đất	397.512.000	397.512.000
Các khoản khác	1.603.981.285	1.130.877.442
Trừ: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(928.470.763)
<b>Cộng</b>	<b>4.272.818.601</b>	<b>3.079.977.109</b>

## 5.7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Thu phạt vượt định mức hao hụt vật tư	33.287.668	16.395.635
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	1.468.000
Các khoản khác	30.200	863.070
<b>Cộng</b>	<b>33.317.868</b>	<b>18.726.705</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	3.447.952	123.642.800
Các khoản khác	200	445
<b>Cộng</b>	<b>3.448.152</b>	<b>123.643.245</b>

## 5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.065.426.139	12.982.144.155
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	204.456.000	29.500.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	204.456.000	29.500.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	13.269.882.139	13.011.644.155
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	-	11.437.988.547
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	13.269.882.139	1.573.655.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.653.976.427	2.030.429.404
- Hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (15%)	-	1.715.698.282
- Hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế (20%)	2.653.976.427	314.731.122
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.653.976.427</b>	<b>2.030.429.404</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.653.976.427	2.030.429.404
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

## 5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.606.028.695	151.634.614.171
Chi phí nhân công	29.316.895.574	31.665.490.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.464.455.175	2.671.266.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.370.644.258	9.030.891.216
Chi phí khác bằng tiền	4.273.381.556	4.096.282.271
<b>Cộng</b>	<b>156.031.405.258</b>	<b>199.098.544.403</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<b>Danh sách các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco	Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An	Chi nhánh của Tổng Công ty Khánh Việt
Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên	Thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 27/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng - xem thêm mục 4.2</b>		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	53.682.035	47.610.134
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco (*)	-	660.883.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác - xem thêm mục 4.9</b>		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	3.595.578.676	3.906.839.751

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV</b>		
Phân phối lợi nhuận	3.595.578.676	3.906.839.751
<b>Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa</b>		
Mua nguyên vật liệu, phụ tùng	56.265.600	29.473.723.760
<b>Công ty TNHH Thương mại Khatoco</b>		
Bán thuốc lá	-	34.119.669.505
Cho thuê kho	658.289.970	624.458.250
<b>Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco (*)</b>		
Bán vỏ bao	-	5.689.119.483
<b>Nhà máy thuốc lá Khatoco Nghệ An - Chi nhánh TCT Khánh Việt</b>		
Bán vật tư	-	913.254.616
Bán dây chuyền sản xuất thuốc lá	-	1.069.016.039
Cho thuê mặt bằng	950.000.000	475.000.000
Dịch vụ quản lý sản phẩm thuốc lá	7.431.742.577	4.608.469.522

(\*) Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco không còn là bên liên quan trong năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.365.000.000	1.358.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.365.000.000</b>	<b>1.358.000.000</b>

**7. THÙ LAO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Kiểm soát viên	24.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 28/12/2018, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 chuyển đổi loại hình doanh nghiệp trở thành Công ty Cổ phần Bao bì Tân Khánh An.



**Phạm Thanh Hà**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2018



**Nguyễn Duy Mão**  
Kế toán trưởng



**Lê Văn Tuấn**  
Người lập